|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GD & ĐT ĐẮK LẮK**Mã đề 111****TRƯỜNG THPT NGUYỄN HUỆ**(*Gồm có 04 trang*) | **BÀI KIỂM TRA CUỐI HK1****NĂM HỌC 2021 - 2022****MÔN SINH HỌC** **– Khối lớp 11***Thời gian làm bài : 45 phút* |

Họ và tên học sinh :..................................................... Lớp : 11a ................

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (6 điểm):** *Học sinh tô vào đáp án đúng nhất*

 01. ; / = ~ 07. ; / = ~ 13. ; / = ~ 19. ; / = ~

 02. ; / = ~ 08. ; / = ~ 14. ; / = ~ 20. ; / = ~

 03. ; / = ~ 09. ; / = ~ 15. ; / = ~ 21. ; / = ~

 04. ; / = ~ 10. ; / = ~ 16. ; / = ~ 22. ; / = ~

 05. ; / = ~ 11. ; / = ~ 17. ; / = ~ 23. ; / = ~

 06. ; / = ~ 12. ; / = ~ 18. ; / = ~ 24. ; / = ~

**Câu 1.** Khi hàm lượng glucozơ trong máu giảm, cơ chế điều hòa diễn ra theo trật tự nào ?

 **A.** Tuyến tụy → gan → glucagôn → glicôgen → glucozơ trong máu tăng

 **B.** Gan → tuyến tụy → glucagôn → glicôgen → glucozơ trong máu tăng

 **C.** Tuyến tụy → glucagôn → gan → glicôgen → glucozơ trong máu tăng

 **D.** Gan → glucagôn → tuyến tụy→ glicôgen → glucozơ trong máu tăng

**Câu 2.** Trật tự đúng về cơ chế duy trì cân bằng nội môi là:

 **A.** Bộ phận điều khiển → bộ phận tiếp nhận kích thích → bộ phận thực hiện → bộ phận tiếp nhận kích thích

 **B.** Bộ phận tiếp nhận kích thích → bộ phận điều khiển → bộ phận thực hiện → bộ phận tiếp nhận kích thích

 **C.** Bộ phận thực hiện → bộ phận tiếp nhận kích thích → bộ phận điều khiển → bộ phận tiếp nhận kích thích

 **D.** Bộ phận tiếp nhận kích thích → bộ phận thực hiện → bộ phận điều khiển → bộ phận tiếp nhận kích thích

**Câu 3.** Ở những sinh vật có hệ tuần hoàn kép :

 **A.** Tim 3 hoặc 4 ngăn, 2 vòng tuần hoàn  **B.** Tim 2 hoặc 4 ngăn, 2 vòng tuần hoàn

 **C.** Tim 4 ngăn, 2 vòng tuần hoàn  **D.** Tim 1 ngăn, 2 vòng tuần hoàn

**Câu 4.** Vận tốc máu là:

 **A.** Tốc độ máu chảy trong một giây **B.** Tốc độ máu chảy trong hai giây.

 **C.** Tốc độ máu chảy trong một phút. **D.** Tốc độ máu chảy trong hai phút.

**Câu 5.** Xét các loại thực phẩm sau:

(1) Ăn nhiều thực phẩm giàu chất xơ. (2) Thực phẩm ít muối.

(3) Ăn nhiều thực phẩm giàu chất béo.

(4) Ăn nhiều hoa quả, rau xanh, sữa và các sản phẩm của sữa ít chất béo.

(5) Ăn thực phẩm chứa nhiều muối. (6) Ăn nhiều cá, gia cầm và các loại hạt.

Loại thực phẩm nào được khuyến nghị cho người **tăng** huyết áp ?

 **A.** (1), (2), (3), (6). **B.** (1), (5), (4), (6), (3).  **C.** (2), (3), (4), (6), (5). **D.** (1), (2), (4), (6).

**Câu 6.** Cho bảng sau:

|  |  |
| --- | --- |
| **Cột A** | **Cột B** |
| 1. Răng cửa | a. Cắt thịt thành những mảnh nhỏ |
| 2. Răng nanh | b. Gặm và lấy thịt ra khỏi xương |
| 3. Răng trước hàm và răng ăn thit lớn | c. Chứa được nhiều thức ăn |
| 4. Dạ dày đơn to | d. Tiêu hóa và hấp thụ thức ăn |
| 5. Ruột non ngắn | e. Cắm và giữ chặt con mồi. |

Hãy chọn đáp án **đúng** nhất khi kết hợp cột A với cột B là:

 **A.** 1 – a, 2 – b, 3 – c, 4 – d, 5 – e.  **B.** 1 – b, 2 – e, 3 – a, 4 – c, 5 – d.

 **C.** 1 – c, 2 – d, 3 – e, 4 – b, 5 – a.  **D.** 1 – a, 2 – d, 3 – e, 4 – b, 5 – c.

**Câu 7.** Hoạt động hệ dẫn truyền tim theo thứ tự

 **A.** Nút xoang nhĩ phát xung điện → Mạng lưới Puôckin → Nút nhĩ thất → Bó His

 **B.** Nút xoang nhĩ phát xung điện → Nút nhĩ thất → Bó His → Mạng lưới Puôckin

 **C.** Nút xoang nhĩ phát xung điện → Bó His → Nút nhĩ thất → Mạng lưới Puôckin

 **D.** Nút xoang nhĩ phát xung điện → Nút nhĩ thất → Mạng lưới Puôckin → Bó His

**Câu 8.** Trong các đặc điểm sau về bề mặt trao đổi khí:

(1) diện tích bề mặt lớn (2) mỏng và luôn ẩm ướt (3) có rất nhiều mao mạch

(4) có sắc tố hô hấp (5) dày và luôn ẩm ướt (6) có sự lưu thông khí

Hiệu quả trao đổi khí liên quan đến những đặc điểm nào ?

 **A.** (1), (2) và (3) **B.** (1), (4) và (5) **C.** (1), (2), (3), (4) và (6) **D.** (5) và (6)

**Câu 9.** Cân bằng nội môi là duy trì sự ổn định của môi trường trong .

 **A.** Mô **B.** Cơ quan **C.** Tế bào **D.** Cơ thể

**Câu 10.** Vì sao ta có cảm giác khát nước?

 **A.** Do áp suất thẩm thấu trong máu giảm.  **B.** Vì nồng độ glucôzơ trong máu tăng.

 **C.** Do áp suất thẩm thấu trong máu tăng.  **D.** Vì nồng độ glucôzơ trong máu giảm.

**Câu 11.** Hệ tuần hoàn của động vật được cấu tạo từ những bộ phận:

 **A.** Máu, động mạch, tĩnh mạch  **B.** Tim, máu và nước mô

 **C.** Tim, động mạch, tĩnh mạch  **D.** Tim, dịch tuần hoàn, hệ thống mạch máu

**Câu 12.** Khi lượng protein huyết tương giảm làm giảm áp suất thẩm thấu của máu sẽ dẫn đến bệnh nào sau đây?

 **A.** Đái tháo đường. **B.** Viêm thận.

 **C.** Phù nề do ứ nước ở các mô. **D.** Bệnh giảm đường huyết.

**Câu 13.** Hô hấp ở động vật là:

 **A.** Quá trình tế bào sử dụng các chất khí như O2, CO2 để tạo ra năng lượng cho các hoạt động sống.

 **B.** Là quá trình tiếp nhận O2 và CO2 của cơ thể từ môi trường sống và giải phóng ra năng lượng.

 **C.** Là quá trình trao đổi khí giữa cơ thể và môi trường, đảm bảo cho cơ thể có đầy đủ O2 và CO2

 **D.** Là tập hợp những quá trình, trong đó cơ thể lấy O2 từ bên ngoài vào để oxy hóa các chất trong tế bào và giải phóng năng lượng cho các hoạt động sống, đồng thời giải phóng CO2 ra ngoài

**Câu 14.** Máu chảy trong hệ tuần hoàn hở như thế nào?

 **A.** Máu chảy trong động mạch dưới áp lực cao, tốc độ nhanh

 **B.** Máu chảy trong động mạch dưới áp lực thấp, tốc độ chậm.

 **C.** Máu chảy trong động mạch dưới áp lực cao, tốc độ chậm

 **D.** Máu chảy trong động mạch dưới áp lực thấp, tốc độ nhanh

**Câu 15.** Phương trình hô hấp tổng quát là:

 **A.** C6H12O6 + 6O2  -> 6CO2 + 6H2O + Năng luợng (nhiệt + ATP).

 **B.** CO2 + H2O -> C6H12O6  + O2 + H2O

 **C.** C6H12O6 + 6O2  -> 6CO2 + 6H2O

 **D.** C6H12O6 + 6O2  + Năng luợng (nhiệt + ATP) -> 6CO2 + 6H2O

**Câu 16.** Tim có khả năng co giãn tự động theo chu kì là do:

 **A.** mạch máu **B.** huyết áp **C.** chu kì tim **D.** hệ dẫn truyền tim

**Câu 17.** Hô hấp sáng xảy ra với sự tham gia của những bào quan nào dưới đây?

(1) Lizôxôm. (2) Ribôxôm. (3) Lục lạp

(4) Perôxixôm. (5) Ti thể. (6) Bộ máy Gôngi.

Phương án trả lời đúng là:

 **A.** (3), (4) và (5). **B.** (2), (3) và (6). **C.** (1), (4) và (5). **D.** (1),(4) và (6).

**Câu 18.** Khi con người lao động nặng, áp suất thẩm thấu của máu tăng lên là do

 **A.** Đổ mồi hôi nhiều và sinh nhiệt tăng.  **B.** Tuyến trên thận tiết CO2 hô hấp tăng.

 **C.** Tim đập mạnh huyết áp tăng.  **D.** Nhu cầu ô xi tăng cao và hô hấp tăng.

**Câu 19.** Tiêu hóa là quá trình …(1)... các chất …(2)…. có trong thức ăn thành những …(3).. . mà cơ thể hấp thụ được. Từ còn thiếu ở (1), (2), (3) là:

 **A.** Biến đổi, dinh dưỡng, chất hữu cơ.  **B.** Tạo ra, dinh dưỡng, chất phức tạp.

 **C.** Biến đổi, dinh dưỡng, chất đơn giản.  **D.** Biến đổi, dinh dưỡng, năng lượng.

**Câu 20.** Huyết áp là:

 **A.** áp lực dòng máu khi tâm thất co  **B.** áp lực dòng máu khi tâm thất dãn

 **C.** do sự ma sát giữa máu và thành mạch  **D.** áp lực máu tác dụng lên thành mạch

**Câu 21.** Khi nói về đặc điểm của hệ tuần hoàn kín, có bao nhiêu phát biểu đúng?

(1) Có hệ mao mạch nối giữa hệ động mạch và hệ tĩnh mạch.

(2) Trao đổi chất với tế bào qua hệ mao mạch.

(3) Sắc tố hô hấp của máu là hêmôglôbin (chứa Fe) nên máu có màu đỏ.

(4) Máu chảy trong mạch có tốc độ nhanh, áp lực cao hoặc trung bình.

(5) Sự điều hòa và phân phối máu đến các cơ quan nhanh.

Phương án trả lời đúng:

 **A.** 5. **B.** 4. **C.** 2. **D.** 3.

**Câu 22.** Cho bảng sau:

|  |  |
| --- | --- |
| **Cột A** | **Cột B** |
| I. Bò. | 1. Răng sắc nhọn, răng nanh phát triển. |
| II. Lợn.  | 2. Ruột dài 55-60m. |
| III. Chó sói. | 3. Răng có bờ nghiền rộng nhiều nếp men cứng.  |
|  | 4. Ruột khoảng 7m. |
|  | 5. Dạ dày đơn. |
|  | 6. Ruột dài khoảng 22m. |
|  | 7. Ăn thức ăn động vật và thực vật. |
|  | 8. Trong quá trình tiêu hóa có biến đổi sinh học. |

Tổ hợp **đúng** nhất về cấu tạo hệ tiêu hóa ở các loài trên sẽ là:

 **A.** I. 2, 3, 8; II. 1, 5, 6; III. 4, 5, 7.  **B.** I. 2, 3, 8; II. 5, 6, 7; III. 1, 4, 5.

 **C.** I. 2, 5, 8; II. 3, 5, 7; III. 1, 5, 6.  **D.** I. 1, 4, 8; II. 5, 6, 7; III. 2, 3, 5.

**Câu 23.** Xét các loài sinh vật sau:

(1) tôm (2) cua (3) châu chấu (4) trai (5) giun đất (6) ốc

Những loài nào hô hấp bằng mang ?

 **A.** (1), (2), (4) và (6) **B.** (1), (2), (3) và (5) **C.** (3), (4), (5) và (6) **D.** (4) và (5)

**Câu 24.** Ở người, thời gian mỗi chu kỳ hoạt động của tim trung bình là:

 **A.** 0,12 giây, trong đó tâm nhĩ co 0,2 giây, tâm thất co 0,4 giây, thời gian dãn chung là 0,6 giây.

 **B.** 0,8 giây, trong đó tâm nhĩ co 0,1 giây, tâm thất co 0,3 giây, thời gian dãn chung là 0,4 giây.

 **C.** 0,6 giây, trong đó tâm nhĩ co 0,1 giây, tâm thất co 0,2 giây, thời gian dãn chung là 0,6 giây.

 **D.** 0,1 giây, trong đó tâm nhĩ co 0,2 giây, tâm thất co 0,3 giây, thời gian dãn chung là 0,5 giây.

**II. PHẦN TỰ LUẬN:**

**Câu 1. (1,5 điểm)** Hô hấp sáng là gì? Điều kiện xảy ra và các bào quan tham gia quá trình hô hấp sáng ở thực vật?

……………………………………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………………………………….. …………………………………………………………………………………………………………………….. …………………………………………………………………………………………………………………….. …………………………………………………………………………………………………………………….. …………………………………………………………………………………………………………………….. ……………………………………………………………………………………………………………………..…………………………………………………………………………………………………………………….. …………………………………………………………………………………………………………………….. …………………………………………………………………………………………………………………….. …………………………………………………………………………………………………………………….. …………………………………………………………………………………………………………………….. …………………………………………………………………………………………………………………….. **Câu 2. (1,5 điểm)** Hãy phân biệt hệ tuần hoàn hở và hệ tuân hoàn kín (Đại diện; cấu tạo tim và hệ mạch; đường đi của máu; vận tốc và áp lực máu chảy trong động mạch)

……………………………………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………………………………….. ……………………………………………………………………………………………………………………..…………………………………………………………………………………………………………………….. …………………………………………………………………………………………………………………….. …………………………………………………………………………………………………………………….. …………………………………………………………………………………………………………………….. …………………………………………………………………………………………………………………….. …………………………………………………………………………………………………………………….. …………………………………………………………………………………………………………………….. …………………………………………………………………………………………………………………….. …………………………………………………………………………………………………………………….. …………………………………………………………………………………………………………………….. …………………………………………………………………………………………………………………….. …………………………………………………………………………………………………………………….. ……………………………………………………………………………………………………………………..

**Câu 3. (1 điểm)** Sau khi tìm hiểu về Chủ đề tuần hoàn máu, Lan cho rằng: **“Tim hoạt động suốt đời mà không mệt mỏi”**. Theo em, nhận định của Lan là đúng hay sai, giải thích?

……………………………………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………………………………….. …………………………………………………………………………………………………………………….. …………………………………………………………………………………………………………………….. …………………………………………………………………………………………………………………….. …………………………………………………………………………………………………………………….. …………………………………………………………………………………………………………………….. …………………………………………………………………………………………………………………….. …………………………………………………………………………………………………………………….. ……………………………………………………………………………………………………………………..

***------ HẾT ------***

|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GD&ĐT ĐẮK LẮK**TRƯỜNG THPT NGUYỄN HUỆ**(*Không kể thời gian phát đề*) | **ĐÁP ÁN** **KT CUỐI HK1 2021-2022****MÔN SINH HOC** **– Khối lớp 11** ***Thời gian làm bài : 45 phút***  |

***Phần đáp án câu trắc nghiệm:***

***Tổng câu trắc nghiệm: 24.***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | ***111*** | ***112*** | ***113*** | ***114*** |
| **1** | **C** | **B** | **C** | **C** |
| **2** | **B** | **B** | **A** | **A** |
| **3** | **A** | **C** | **D** | **A** |
| **4** | **A** | **A** | **C** | **D** |
| **5** | **D** | **A** | **B** | **C** |
| **6** | **B** | **D** | **A** | **B** |
| **7** | **B** | **B** | **D** | **B** |
| **8** | **C** | **A** | **B** | **A** |
| **9** | **D** | **A** | **D** | **D** |
| **10** | **C** | **C** | **C** | **B** |
| **11** | **D** | **C** | **C** | **D** |
| **12** | **C** | **B** | **A** | **D** |
| **13** | **D** | **B** | **D** | **C** |
| **14** | **B** | **D** | **B** | **B** |
| **15** | **A** | **C** | **B** | **A** |
| **16** | **D** | **D** | **D** | **D** |
| **17** | **A** | **D** | **D** | **C** |
| **18** | **A** | **A** | **A** | **C** |
| **19** | **C** | **C** | **C** | **C** |
| **20** | **D** | **C** | **A** | **D** |
| **21** | **A** | **D** | **B** | **A** |
| **22** | **B** | **B** | **C** | **D** |
| **23** | **A** | **D** | **D** | **D** |
| **24** | **B** | **A** | **C** | **B** |

**ĐÁP ÁN TỰ LUẬN**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| Câu 1 | Khái niệm: Hô hấp sáng là quá trình hấp thụ O2 và giải phóng CO2 ở ngoài sáng. | 0,5 |
| Điều kiện: Cường độ ánh sáng cao, taị lục lạp của thực vật C3, lượng CO2 cạn kiệt, O2 tích luỹ nhiều ( gấp 10 lần so với CO2) | 0,5 |
| Enzim cacbôxilaza chuyển hoá thành enzim ôxigenaza ôxi hoá ribulôzơ – 1,5 – điphôtphat đến CO2 xảy ra kế tiếp nhau trong 3 bào quan: bắt đầu từ lục lạp qua perôxixôm và kết thúc bằng sự thải CO2 tại ti thể. | 0,5 |
| Câu 2 |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Điểm phân biệt | Hệ tuần hoàn hở | Hệ tuần hoàn kín |
| Đại diện | Động vật thân mềm (ốc sên, trai,…), chân khớp (côn trùng, tôm,…) | Mực ống, bạch tuộc, giun đốt, chân đầu, động vật có xương sống |
| Cấu tạo tim và mạch mạch | Tim dạng hình ống, nhiều ngăn, có lỗ timKhông có mao mạch, có động mạch, tĩnh mạch | Có ngăn: (2, 3 hoặc 4 ngăn)Có động mạch, tĩnh mạch, mao mạch |
| Đường đi của máu | Động mạchKhoang cơ thể: trộn lẫn với dịch môTĩnh mạchTim | TimĐộng mạchMao mạchTĩnh mạch |
| Vận tốc và áp lực máu chảy trong động mạch | Áp lực thấp, vận tốc máu chảy chậm | Áp lực cao hoặc trung bình, vận tốc máu chảy nhanh. |

 | 0,250,50,50,25 |
| Câu 3. | Nhận định của Lan là đúng. | 0,25 |
| Vì: 1 chu kì hoạt động của tim là 0,8s, trong đó:Pha có tâm nhĩ 0,1 s (thời gian nghỉ ngơi 0,7s).Pha có tâm thất 0,3 s (thời gian nghỉ ngơi 0,5s).Pha có dãn chung 0,4s (thời gian nghỉ ngơi 0,4s). | 0,5 |
| Nhờ có chu kì co dãn nên tim hoạt động và nghỉ ngơi đều đặn.Vì vậy tim hoạt động suốt đời mà không mệt mỏi. | 0,25 |